TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- L ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: **56**/2025/HNGĐ- ST
Ngày : 15-9-2025
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- L ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thị Quế**
2. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Tý**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4- tỉnh L Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- L Đồng****:* Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân huyện Bảo L cũ- tỉnh L Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 131/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Minh T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 1, xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng nay là thôn 1, xã Bảo L 5, tỉnh L Đồng. Chỗ ở hiện nay: thôn Uông Thượng, xã Minh T, tỉnh Hải Dương nay là thôn Uông Thượng, xã Thái T, tỉnh Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Ông **Mai Văn H**, sinh năm 1976; NKTT: Thôn 1, xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng nay là thôn 1, xã Bảo L 5, tỉnh L Đồng; Địa chỉ liên hệ : Đang chấp hành án tại Trại giam Tống Lê Chân, Địa chỉ: xã Minh Tâm, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Đoàn Thị Minh T, ông Mai Văn H có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H có quen biết tìm hiểu yêu đương một thời gian sau đó cả hai quyết định sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND phường Lam S, huyện Bỉm S, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 17/12/2005. Hôn nhân là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống không H phúc, vợ chồng thường xuyên

xảy ra mâu Tẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ.Ông Mai Văn H chơi bời, bài bạc bán hết nhà cửa đất đai dẫn đến mâu Tẫn vợ chồng cãi nhau, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ 5- 6 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà Đoàn Thị Minh T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H có 2 người con chung là Mai Thanh B, sinh ngày 13/12/2003 và Mai Đoàn Tiến P, sinh ngày 29/01/2009.

Đối với con chung là Mai Thanh B, sinh ngày 13/12/2003 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ Tộc vào cha mẹ nên bà Đoàn Thị Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ly hôn bà Đoàn Thị Minh T yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Mai Đoàn P Tiến, sinh ngày 29/01/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà Đoàn Thị Minh T không yêu cầu ông Mai Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Mai Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn H và bà Đoàn Thị Minh T quen biết tìm hiểu được một khoảng thời gian sau đó mới quyết định sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND phường Lam S, huyện Bỉm S, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 17/12/2005. Hôn nhân là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống ông H và bà T sống H phúc được thời gian đầu sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu Tẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, cãi vã, hơn nữa bản thân ông cũng bị bắt vào năm 2024 và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Tống Lê Chân. Nay bà Đoàn Thị Minh T yêu cầu giải quyết ly hôn ông Mai Văn H đồng ý được ly hôn với bà Đoàn Thị Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Mai Văn H và bà Đoàn Thị Minh T có 2 người con chung là Mai Thanh B, sinh ngày 13/12/2003 và Mai Đoàn Tiến P, sinh ngày 29/01/2009. Ly hôn ông Mai Văn H đồng ý giao con chung là Mai Đoàn Tiến P, sinh ngày 29/01/2009 cho bà Đoàn Thị Mimh T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung là Mai Thanh B, sinh ngày 13/12/2003 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ Tộc vào cha mẹ nên ông Mai Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Minh T không yêu cầu ông Mai Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Mai Văn H trình bày ông và bà Đoàn Thị Minh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Mai Văn H trình bày ông và bà Đoàn Thị Minh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/8/2025 nhưng không được do bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- L Đồng tham gia phiên tòa P biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H được ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao con chung là Mai Đoàn Tiến P, sinh ngày 29/01/2009 cho bà Đoàn Thị Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với cong chung là Mai Thanh B, sinh ngày13/12/2003 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ Tộc vào cha mẹ nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về cấp dưỡng nuôi con bà Đoàn Thị Minh T không yêu cầu ông Mai Văn H phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Minh T và bị đơn ông Mai Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Đoàn Thị Minh T yêu cầu giải quyết về ly hôn, con chung với ông Mai Văn H, NKTT cuối cùng: Thôn 1, xã Lộc Bắc, huyện Bảo L, tỉnh L Đồng nay là thôn 1, xã Bảo L 5, tỉnh L Đồng- Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Tống Lê Chân, địa chỉ: xã Minh Tâm,tỉnh Đồng Nai nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4- L Đồng.

III. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Cả bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H đều trình bày hai người chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lam S, huyện Bỉm S, tỉnh Thanh Hoá nay là phường Bỉm S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/12/2005. Việc chung sống là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Theo bà H trình bày quá trình chung sống không H phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu Tẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ. Ông Mai Văn H chơi bời, bài bạc bán hết nhà cửa đất đai dẫn đến mâu Tẫn vợ chồng cãi nhau, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã

sống ly thân 5- 6 năm nay. Còn ông H trình bày quá trình chung sống ông H và bà T sống H phúc được thời gian đầu sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu Tẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, cãi vã, hơn nữa bản thân ông cũng bị bắt vào năm 2024 và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Tống Lê Chân. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà Đoàn Thị Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Mai Văn H và ông Mai Văn H cũng đồng ý được ly hôn với bà Đoàn Thị Minh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Mai Văn H và bà Đoàn Thị Minh T có đơn xin vắng mặt nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy hôn nhân đã có mâu Tẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không liên lạc với nhau, không hàn gắn tình cảm, hiện nay ông Mai Văn H đang chấp hành tại Trại giam Tống Lê Chân nên không thể mang lại H phúc cho nhau được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H, căn cứ vào giấy khai sinh bà Đoàn Thị Minh T nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H có 02 người con chung là Mai Thanh B, sinh ngày 13/12/2003 và Mai Đoàn Tiến P, sinh ngày 29/01/2009. Hiện nay bà Đoàn Thị Minh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu thứ 2 Mai Đoàn Tiến P, sinh ngày 29/01/2009 vì cháu còn đang đi học, cháu lớn thì đã đủ 18 tuổi nên không cần cấp dưỡng. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì cháu Mai Đoàn Tiến P đều P triển tốt cả về thể chất và tinh thần, bên cạnh đó ông Mai Văn H hiện đang phải chấp hành án tại Trại Giam Tống Lê Châu nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự P triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung là cháu Mai Đoàn Tiến P, sinh ngày 29/01/2009 cho bà Đoàn Thị Minh T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Đối với con chung là Mai Thanh B, sinh ngày13/12/2003 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ Tộc vào cha mẹ nên HĐXX không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Minh T không yêu cầu ông Mai Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

{3} Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H trình bày quá trình chung sống hai người không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Minh T và ông Mai Văn H trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc bà Đoàn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Minh T đối với ông Mai Văn H về việc *"Xin ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đoàn THị Minh T và ông Mai Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Mai Đoàn Tiến P, sinh ngày 29/01/2009 cho bà Đoàn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, cháu lớn Đoàn Thanh B, sinh ngày 13/12/2003 thì đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu nuôi dưỡng. Bà Đoàn Thị Minh T không yêu cầu ông Mai Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung là Mai Thanh B, sinh ngày13/12/2003 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ Tộc vào cha mẹ nên HĐXX không xem xét.

"Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

3. Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Đoàn Thị Minh T đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004862 ngày 12/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh L Đồng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4- L Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L Đồng;
- VKSND tỉnh L Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND phường Bỉm S, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi